TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp h, xã t, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc U tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1999. Bà và ông U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Long An vào ngày 30/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, ông U thường xuyên nhậu nhẹt, có hành vi hành hung, đánh đập bà và con nhiều lần, có lời lẽ xúc phạm danh dự của bà và gia đình của bà. Vì thương con nên bà gắng chịu đựng,

khuyên nhủ ông U nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi. Bà và ông U đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, bà đang sống với gia đình cha mẹ ruột tại xã B, huyện N, tỉnh Long An. Bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông U có 02 con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/11/2001, giới tính: N và Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 26/3/2012, giới tính: N. Hiện tại, cháu N đang sống chung với ông U; Còn cháu Q đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con chung. Bà đồng ý giao con chung tên là Nguyễn Minh N cho ông U được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông U không có nợ ai.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông U, nhưng ông U vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc U vắng mặt. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U. Ông U đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Ngọc U tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 256 quyển số 02 đăng ký ngày 30/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N,

tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà H và ông U là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà H và ông U đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông U hay nhậu nhẹt, chửi bới đánh đập bà H, có lời lẽ xúc phạm đến danh dự của bà H và gia đình của bà H. Xét thấy, ông U đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông U tại Tòa án, nhưng ông U không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm gì với ông U và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông U là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà H cương quyết ly hôn với ông U là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...".

[4.2.1] Đối với con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/11/200, tại thời điểm xét xử đã đủ 07 tuổi, đang sống chung với ông U và có văn bản thể hiện ý kiến với nguyện vọng là sống với ông U, nếu bà H và ông U ly hôn và bà H cũng đồng ý để ông U được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, nên Hội đồng xét xử giao con chung tên là Nguyễn Minh N cho ông Nguyễn Ngọc U được quyền tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N thành niên. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà H có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Do ông U cố tình vắng mặt, không thể hiện ý kiến, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà H không cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này, ông U có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.2.2] Đối với con chung tên là Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 26/3/2012 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Q muốn sống với ai; Mặt khác, ông U cố tình vắng mặt, nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Nhưng hiện tại, con chung đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập sau này, nên cần giao cháu Nguyễn Nhựt Q cho bà Nguyễn Thị Cẩm H trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản, về nợ chung: Do ông U cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và bà H xác định giữa bà H và ông U không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc U.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Bà Nguyễn Thị Cẩm H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 26/3/2012, giới tính: N. Ông Nguyễn Ngọc U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2 Ông Nguyễn Ngọc U được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/11/2001, giới tính: N. Bà Nguyễn Thị Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước,

nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002747 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Cẩm H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm H có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương